

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH02143** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Luật Tài chính**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			6	8.0	8.5		8.5		8.2
2	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			9.5	9.0	9.0		10.0		9.6
3	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			6	6.5	7.5		8.5		7.8
4	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			9	7.0	8.5		8.5		8.3
5	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985			6	7.0	7.5		8.0		7.6
6	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			8.5	7.0	6.0		8.0		7.6
8	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
9	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			9	6.5	8.5		8.5		8.2
10	2253801012813	Lê Nhứt Diệu	Lành	07/07/2006			6.5	7.5	8.0		0.0		3.0
11	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			9	9.0	9.5		10.0		9.7
12	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			8	8.0	8.5		9.0		8.7
13	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			10	9.5	9.5		9.5		9.5
14	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
15	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			6.5	7.0	8.0		8.5		8.0
16	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			9.5	9.0	9.5		9.0		9.1

Châu Đốc, ngày 9 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn